HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 30/NQ-HĐND	*Ngọc Hồi, ngày 21 tháng 12 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023;

Xét Tờ trình số 188/TTr-UBND ngày 16 tháng 12 năm 202 của Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi về Nghị quyết phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023 và Báo cáo số 860/BC-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện về tình hình thực hiện phát triển kinh tế-xã hội năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022:

Trong năm 2022, tình hình kinh tế-xã hội của huyện tiếp tục ổn định, phát triển và đạt được nhiều kết quả, dự kiến đến cuối năm các chỉ tiêu chủ yếu năm 2022 được Hội đồng nhân dân huyện thông qua tại Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 đều đạt và vượt. Thu ngân sách nhà nước, giải ngân vốn đầu tư công đạt kết quả cao hơn so năm trước; sản xuất công nghiệp, xây dựng có bước phát triển; hoạt động thương mại, dịch vụ đã phục hồi sau đại dịch Covid-19 và có bước tăng trưởng khá; số doanh nghiệp thành lập mới và hoạt động trở lại tăng so với năm trước. Công tác chỉ đạo củng cố, đổi mới kinh tế tập thể, hợp tác xã được chú trọng; công tác quản lý quy hoạch, trật tự xây dựng và môi trường được tăng cường. Công tác an sinh xã hội và chăm sóc sức khoẻ nhân dân được nâng lên; các hoạt động thể dục, thể thao phát triển rộng khắp; công tác cải cách hành chính và việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; Quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Hoạt động đối ngoại được duy trì.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, tình hình kinh tế- xã hội trong năm 2022 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Việc hỗ trợ phát triển nông nghiệp theo chuỗi giá trị có mặt còn hạn chế; triển khai thi công một số dự án đầu tư công còn chậm; vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản, đất đai và xây dựng vẫn còn xảy ra. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn thiếu; tỷ lệ chuyên cần của học sinh dân tộc

thiểu số chưa đảm bảo, nhất là ở thời điểm mùa vụ nông nghiệp; dịch bệnh sốt xuất huyết Dengue còn ở mức cao. Tội phạm liên quan đến buôn bán, vận chuyển ma túy còn phức tạp; tai nạn giao thông nghiêm trọng còn xảy ra.

Nguyên nhân tồn tại, hạn chế trên chủ yếu là: Nhu cầu sử dụng mỏ đất thi công các công trình xây dựng cơ bản lớn trong khi trên địa bàn huyện chưa có mỏ khai thác đất; đơn giá bồi thường, giải phóng mặt bằng còn bất cập, chưa tạo được sự đồng thuận của người dân vùng bị ảnh hưởng. Giá cả một số mặt hàng vật tư nông nghiệp tăng cao, một số loại nông sản khó khăn trong công tác tiêu thụ, gây bất lợi cho người sản xuất; đồng thời, là địa bàn biên giới nên tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Ý thức chấp hành pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng, an toàn giao thông, giữ gìn trật tự trị an, phòng cháy chữa cháy, ... của một bộ phận người dân còn hạn chế. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 13-12-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa VII và Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện khóa VII- Kỳ họp thứ 3 của một số đơn vị, địa phương chưa thật sự chủ động, quyết liệt, sâu sát trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị chưa được phát huy đầy đủ. Tính năng động, tiên phong của lãnh đạo các phòng, ban ngành, địa phương chưa được phát huy; nhận định, dự báo tình hình, tham mưu đề xuất biện pháp chỉ đạo, điều hành chưa kịp thời. Công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng, đất đai có mặt còn hạn chế; nắm tình hình, quản lý địa bàn của một số cơ quan, đơn vị theo chức năng chưa tốt; công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện nhiệm vụ thiếu chặt chẽ, đồng bộ.

Điều 2. Về mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2023

1. Mục tiêu tổng quát

Huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế của huyện; tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục đẩy mạnh công tác chỉnh trang đô thị, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và xây dựng nông thôn mới. Phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân; bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng. Giữ vững ổn định chính trị, tăng cường củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện tốt công tác đối ngoại.

2. Chỉ tiêu chủ yếu năm 2023

a) Về kinh tế

- Tổng giá trị sản xuất đạt 9.050 tỷ đồng.

- Cơ cấu ngành kinh tế: Khu vực Nông lâm thủy sản chiếm 16,7%, khu vực ngành Công nghiệp-xây dựng chiếm 31,8%, khu vực ngành thương mại-dịch vụ chiếm 51,5%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 50 triệu đồng.

- Thu ngân sách trên địa bàn đạt 447.860 triệu đồng, trong đó: Thu nội địa đạt 154.860 triệu đồng.

- Sản lượng lương thực đạt 10.654 tấn.

- Tổng đàn bò đạt 6.250 con.

- Thành lập mới 01 Hợp tác xã kiểu mới.

- Diện tích cây ăn quả trồng mới 50 ha; diện tích cây Mắc ca trồng mới 86 ha; diện tích cây dược liệu khác các loại trồng mới 20 ha.

- Xây dựng thêm 03 sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị các sản phẩm của tỉnh.

- Phấn đấu xây dựng xã Đăk Ang đạt chuẩn nông thôn mới; 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao[1]; 01 thôn đạt chuẩn khu dân cư kiểu mẫu[2].

- Tiếp tục xây dựng thí điểm thôn (làng) vùng đồng bào DTTS đạt chuẩn nông thôn mới theo Chỉ thị 12-CT/TU của Tỉnh ủy giai đoạn 2022-2023.

- Phấn đấu đạt thêm ít nhất 01 tiêu chí trong bộ tiêu chí xây dựng huyện nông thôn mới[3] và giữ vững các tiêu chí đã đạt.

- Trồng mới 533 ha rừng; duy trì độ che phủ rừng đạt 46,1%.

b) Về văn hóa- xã hội và môi trường

- Dân số trung bình đạt 66.500 người.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 58%.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm tối thiểu 0,5-1,0% so với năm 2022.

- Phấn đấu 90% số trường Mầm non, 91% số trường tiểu học, 100% số trường TH-THCS, 83% số trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Số giường bệnh/10.000 dân (*không tính giường tại trạm y tế xã*): 42 giường

- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 86,21%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 13,8%.

- Tỷ lệ xã, thị trấn có nhà văn hóa đạt 100%.

- Tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa đạt 93%.

- Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất ở đạt 99,85%.

- Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất sản xuất đạt 99,85%.

- 100% cơ sở sản xuất kinh doanh có hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn về môi trường.

---

[1] Xã Đăk Nông, xã Đăk Kan.
[2] Thôn Đăk Hú, xã Đăk Dục.
[3] Tiêu chí thứ 5: Y tế - Văn hóa - Giáo dục.

- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt 85%.

- Tỷ lệ hộ nông thôn có công trình vệ sinh hợp vệ sinh đạt 93%.

- Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 97%.

c) Về quốc phòng, an ninh

- Tỷ lệ giao quân đạt 100% chỉ tiêu giao.

- Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt trên 90%.

- Tỷ lệ điều tra, khám phá án đạt trên 80%.

- Có trên 87,5% xã, thị trấn mạnh về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; 95% xã, thị trấn, khu dân cư, cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

d) Các chỉ tiêu khác: tại Phụ lục chi tiết kèm theo, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất.

Điều 3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023, Hội đồng nhân dân huyện nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy "*về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030*", trong đó tập trung rà soát, lựa chọn mô hình, sản phẩm của huyện tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ, nghiên cứu xây dựng mã vùng sản xuất cấp huyện; có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt trong việc hỗ trợ người dân trong sản xuất nông nghiệp, nhất là khâu tiêu thụ, tạo đầu ra sản phẩm ổn định cho bà con. Triển khai sản xuất đảm bảo thời vụ; cung cấp đủ giống đảm bảo nguồn gốc, chất lượng, phấn đấu thực hiện hoàn thành mục tiêu trồng mới trong năm 2023 như: cây ăn quả, cây Mắc ca, dược liệu các loại, cà phê,...; lựa chọn một số sản phẩm thế mạnh của huyện để xây dựng sản phẩm OCOP đạt chuẩn tham gia vào chuỗi giá trị các sản phẩm cấp tỉnh. Tập trung thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản.

2. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập và làm giàu từ rừng cho người dân, cộng đồng dân cư. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, dứt điểm các vụ vi phạm quản lý và bảo vệ rừng. Thực hiện trồng mới rừng năm 2023 đạt chỉ tiêu giao.

3. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phấn đấu đến cuối năm 2023 xây dựng xã Đăk Ang đạt chuẩn xã nông thôn mới; 02 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, 01 thôn đạt chuẩn khu dân cư kiểu mẫu; mỗi xã có thêm 01 thôn (làng) đồng bào DTTS đạt chuẩn nông thôn mới theo Chỉ thị 12-CT/TU của Tỉnh ủy; huyện đạt thêm ít nhất 01 tiêu chí trong bộ tiêu chí xây dựng huyện nông thôn mới và giữ vững các tiêu chí đã đạt.

4. Đẩy nhanh tiến độ lập điều chỉnh cục bộ quy hoach chung xây dựng thị trấn Plei Kần đến năm 2030, điều chỉnh tổng thể Đồ án quy hoạch xây dựng chung thị trấn Plei Kần đến năm 2030; quy hoạch chi tiết xây dựng Khu vực Đông Nam thị trấn Plei Kần. Triển khai Đề án Chỉnh trang đô thị, cải tạo vỉa hè, hệ thống thoát nước trên địa bàn thị trấn Plei Kần đến năm 2025 đạt hiệu quả, thiết thực. Tiếp tục rà soát, đánh giá phân loại đô thị loại IV huyện Ngọc Hồi. Tăng cường kiểm tra xử lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật. Triển khai thực hiện có hiệu quả phát triển du lịch trên địa bàn; tăng cường quảng bá hình ảnh và con người huyện Ngọc Hồi.

5. Tổ chức thực hiện tốt thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, đồng thời đẩy mạnh phát triển sản xuất để tạo nguồn thu. Tăng cường chống thất thu, thu nợ đọng thuế, hạn chế nợ đọng thuế phát sinh. Khai thác nguồn thu từ việc khai thác quỹ đất để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Cơ cấu, sắp xếp lại nhiệm vụ chi cho phù hợp, ưu tiên những nhiệm vụ cấp thiết, mang tính đột phá; điều hành chi ngân sách theo tiến độ thực hiện nguồn thu, chủ động cắt giảm, giãn tiến độ khi thu không đạt dự toán. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tập trung nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm của huyện. Chủ động lồng ghép các nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia bảo đảm hiệu quả sử dụng các nguồn vốn. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân, đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo nhà thầu đẩy mạnh thi công xây dựng công trình, phấn đấu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn giao, kể cả các kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang, bổ sung trong năm,...

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp huyện trên địa bàn tỉnh, phấn đấu xếp hạng trong nhóm 3/10 huyện, thành phố đứng đầu về về chỉ số năng lực cạnh tranh. Tiếp tục rà soát điều chỉnh, bổ sung các danh mục thu hút đầu tư vào địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 theo hướng dẫn của tỉnh và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn để kịp thời phối hợp giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc của để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn.

8. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa VII triển khai thực hiện Nghị quyết 20, ngày 16-06-2022, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII *"về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới"*. Chú trọng phát triển hợp tác xã cả số lượng và chất lượng, trong đó tập trung củng cố, phát triển các hợp tác xã theo hướng bền vững. Trong năm 2023, cơ bản các hợp tác xã trên địa bàn hoạt động đúng bản chất theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

9. Tăng cường quản lý Nhà nước về tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường. Thực hiện có hiệu quả kế hoạch sử dụng đất năm 2023; triển khai tổ chức

đấu thầu các điểm mỏ khoáng sản đã có trong quy hoạch để có nguồn đảm bảo nhu cầu san lấp trên địa bàn; đồng thời, rà soát các điểm mỏ mới kiến nghị UBDN tỉnh bổ sung cho huyện. Tích cực phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Rà soát, củng cố các lực lượng, phương tiện, vật tư, hậu cần để tổ chức tốt công tác phòng chống thiên tai theo phương châm "04 tại chỗ" khi xảy ra, không để bị động.

10. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho hương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 gắn với mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và xây dựng nông thôn mới của huyện, Đề án nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chủ động triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên người, đặc biệt các dịch bệnh lây nhiễm. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế,.. về số lượng, đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu phòng, chữa bệnh, phục hồi chức năng và phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và chương trình chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em. Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên các cơ sở có tổ chức bếp ăn tập thể nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

11. Khai thác tối đa tiềm năng lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, bản sắc văn hóa, di tích lịch sử, di sản vật thể và phi vật thể, nhất là Cột mốc ba biên, Quốc Môn, Làng văn hóa thôn Đăk Răng, xã Đăk Dục, Khu di tích lịch sử cấp quốc gia chiến thắng Plei Kần,... để thu hút du khách. Phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng. Đầu tư đồng bộ gắn với sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hoá ở cơ sở, nhất là cải tạo, sửa chữa, bảo tồn nhà rông truyền thống các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện; hỗ trợ mỗi thôn, làng bộ cồng chiêng để duy trì bảo tồn các lễ hội truyền thống.

12. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công; bảo trợ xã hội; giảm nghèo và các chính sách an sinh xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các các chương trình, dự án về công tác trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện tối thiểu từ 0,5-1,0%/năm so với năm 2022. Thực hiện có hiệu quả các phong trào, cuộc vận động: Cuộc vận động *"Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững"*, Cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*", Phong trào thi đua "*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*"... Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách dân tộc, nhất là hỗ trợ định canh, định cư, đất ở, đất sản xuất, nhà ở đối với dân tộc thiểu số và hộ nghèo.

13. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và cải cách công vụ; tăng cường vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện chỉ số PAPI, PCI,... Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và việc thực hiện cải cách hành chính theo kế hoạch và đột xuất. Triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023 được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Tăng cường công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự trên địa bàn huyện. Tổ chức diễn tập chiến đấu cấp xã trong khu vực phòng thủ tại xã Sa Loong, Đăk Kan và xã Đăk Xú. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý, ngăn ngừa, kiềm chế tai nạn giao thông; chủ động đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm. Thực hiện tốt công đối ngoại năm 2023, trong đó chú trọng đẩy mạnh đối ngoại Nhân dân, đối ngoại quốc phòng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện theo chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Thường Trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể huyện vận động quần chúng, đoàn viên và hội viên phối hợp thực hiện và giám sát việc thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Ngọc Hồi khoá VII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2022./.

***Nơi nhận*:**
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh tại huyện;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ban thường trực UBMTTQVN huyện;
- Các ban HĐND huyện khóa VII;
- Đại biểu HĐND huyện khóa VII;
- Các phòng, ban, ngành đoàn thể của huyện;
- Thường trực HĐND các xã, thị trấn;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT, TH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI KON TUM

Đinh Cao Cường

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ KINH TẾ-XÃ HỘI NĂM 2022 VÀ CHỈ TIÊU NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 30/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Ngọc Hồi)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023
			Kế hoạch huyện giao	Ước Thực hiện năm 2022	So sánh Ước thực hiện với KH năm 2022	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=5/4*	*7*
I	**CHỈ TIÊU KINH TẾ**					
1	**Tổng giá trị sản xuất (giá hiện hành)**	**Tỷ đồng**	**7.630**	**8.260**	**108**	**9.050**
	- Nông, lâm, thủy sản	*"*	*1.320*	*1.400*	*106*	*1.510*
	- Công nghiệp - xây dựng	*"*	*2.330*	*2.584*	*111*	*2.880*
	- Thương mại - dịch vụ	*"*	*3.980*	*4.276*	*107*	*4.660*
2	**Cơ cấu tổng giá trị sản xuất**	**%**	**100**	**100**		**100**
	- Nông, lâm, thủy sản	*%*	17,3	16,9		16,7
	- Công nghiệp - xây dựng	*%*	30,5	31,3		31,8
	- Thương mại - dịch vụ	*%*	52,2	51,8		51,5
3	**Thu nhập bình quân đầu người**	**Triệu đồng**		**47,0**		**50,0**
4	**Nông nghiệp**					
4.1	**Trồng trọt**					
a	Diện tích					
	- Lúa	Ha	2.290	2.309	101	2.225
+	*Lúa đông xuân*	*"*	*890*	*894*	*100*	*895*
+	*Lúa mùa*	*"*	*1.400*	*1.415*	*101*	*1330*
	- Ngô	Ha	220	218	99	270
+	*Ngô đông xuân*	*"*	*60*	*50*	*83,3*	*80*
+	*Ngô vụ mùa*	*"*	*160*	*168*	*105*	*190*
	- Rau các loại	Ha	130	140	108	130
	- Sắn	Ha	4.800	4.834	101	4.800
	- Cà phê	Ha	*5.190*	5.298	102	5.318
+	*Diện tích trồng mới*	*"*		*117*		*20*
+	*Diện tích kinh doanh*	*"*		*4.113*		*4.440*
	- Cao su	Ha	*9.049*	9.235	102	9.235
+	*Diện tích trồng mới*	*"*		*186*		
+	*Diện tích kinh doanh*	*"*		*7.500*		*8.000*
	- Cây Ăn quả	Ha	808	875,5	108	926
	Trong đó diện tích trồng mới		*288,0*	*335,5*		*50*
	- Cây Măc ca	Ha	200	287,7	144	374
	Trong đó diện tích trồng mới		*67,3*	*155,0*		*86*

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023
			Kế hoạch huyện giao	Ước Thực hiện năm 2022	So sánh Ước thực hiện với KH năm 2022	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=5/4*	*7*
	- Cây Bời lời	Ha	1.800	1.599	89	1.400
	- Cây Tiêu	Ha	50	50	100	45
b	Sản lượng sản phẩm chủ yếu					
	- Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	10.320	10.342	100	10.654
	- Cà phê	Tấn	9.020	9.050	100	9.768
	- Cao su	Tấn	12.000	12.150	101	12.800
	- Sắn	Tấn	76.800	76.800	100	76.800
4.2	**Cây dược liệu các loại**	**Ha**	**128,9**	**137,6**	**107**	**110,0**
	Trong đó diện tích trồng mới		*100,0*	*108,7*		*20*
4.3	**Chăn nuôi**					
	- Tổng đàn trâu	Con	315	288	91,4	241
	- Tổng đàn bò	Con	6.550	6.132	93,6	6.250
	- Tổng đàn lợn	Con	23.000	26.450	115	27.000
	- Tổng đàn dê	Con	900	987	110	1.000
	- Tổng đàn gia cầm	Con	175.000	176.500	101	177.000
4.4	**Lâm nghiệp**					
	- Trồng mới rừng	Ha	555	561,34	101	533
	- Tỷ lệ độ che phủ rừng (có tính cây cao su)	%	46	46,1		46,1
4.5	**Thủy sản**					
	- Diện tích	Ha	328	323,0	98,5	365,0
+	*Diện tích nuôi ao hồ nhỏ*	*Ha*		*284,0*		*341*
+	*Diện tích nuôi mặt nước lớn*	*Ha*		*39,0*		*24*
	- Sản lượng	Tấn	754	587	77,8	802
5	**Công nghiệp chủ yếu**					
	- Khai thác đá, cát, sỏi các loại	Nghìn m3	42,5	43,6	103	45,0
	- Tinh bột sắn	Tấn	17.200	17.500	102	18.200
	- Sản phẩm mũ cốm	Tấn	24.300	24.600	101	25.500
6	**Số xã đạt chuẩn nông thôn mới**	**Xã**	**1**	**1**		**1**
7	**Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao**	**Xã**				**2**
8	**Số tiêu chí mới đạt thêm trong xây dựng huyện nông thôn mới**	**Tiêu chí**				**1**
9	**Số thôn đạt chuẩn khu dân cư kiểu mẫu**	**Thôn**	**2**	**2**		**1**

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023
			Kế hoạch huyện giao	Ước Thực hiện năm 2022	So sánh Ước thực hiện với KH năm 2022	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=5/4*	*7*
10	**Số thôn làng đồng bào DTTS đạt chuẩn nông thôn mới theo Chỉ thị 12-CT/TU giai đoạn 2022-2023**	**Thôn**				7
11	**Sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị các sản phẩm cấp tỉnh**	**Sản phẩm**	**2**	**3**		**3**
12	**Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn**	**Tỷ đồng**	**414**	**429,2**	**104**	**447,9**
a)	Thu hoạt động xuất, nhập khẩu	"	270	270,0	100	293,0
b)	Thu nội địa	"	144	159,2	111	154,9
13	**Chi ngân sách địa phương**	**Tỷ đồng**	**351,6**	**440,7**	**125**	**436,4**
	- Chi đầu tư phát triển	"	46,6	94,0	202	93,7
	- Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế)	"	305	345,2	113	342,7
	- Chi nộp trả ngân sách cấp trên			1,5		
14	**Hợp tác xã**	**HTX**	**22**	**16**		**17**
	- Trong đó: Thành lập mới		*2*	*2*	*100*	*1*
15	**Tổ hợp tác**	**THT**	**17**	**19**		**22**
	- Trong đó: Thành lập mới		*3*	*5*	*167*	*3*
II	**CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI**					
1	**Dân số**					
	- Dân số trung bình	Người	64.690	65.442	101	66.500
	-Tăng dân số tự nhiên	%	<1,4	<1,4		<1,4
2	**Lao động và việc làm**					
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	54	54,0		58,0
	- Số lao động được giải quyết trong năm	Lao động	350	423	121	400
	- Dạy nghề lao động nông thôn (theo Đề án 1956)	Người	370	400	108	410
3	**Giảm nghèo**					
	- Số hộ nghèo	Hộ	*Giảm từ 0,5%-1%/năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều*	726		*Giảm từ 0,5%-1%/năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều*
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%		4,50		
	- Số hộ cận nghèo	Hộ		460		
	- Tỷ lệ hộ cận nghèo	%		2,85		
4	**Giáo dục đào tạo**					
-	Tổng số học sinh có mặt đầu năm	HS	15.542	15.379	99	15.475

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023
			Kế hoạch huyện giao	Ước Thực hiện năm 2022	So sánh Ước thực hiện với KH năm 2022	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=5/4*	*7*
	+ Nhà trẻ	"	650	650	100	550
	+ Mẫu giáo	"	3.765	3.685	97,9	3.765
	+ Tiểu học	"	6.810	6.737	98,9	6.700
	+ THCS	"	4.317	4.307	100	4.460
	Trong đó bổ túc văn hóa	"				*135*
-	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi	%				
	+ Mầm non	"	93,1	93,1		93,2
	+ Tiểu học	"	100	100		100
	+ THCS	"	99,0	99,0		99,0
-	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%				
	+ Mầm non	"	90,0	90,0		90,0
	+ Tiểu học	"	81,8	81,8		91,0
	+ TH-THCS	"	100	100		100
	+ THCS	"	83,0	83,0		83,0
	- Số trung tâm giáo dục cộng đồng	Trung tâm	8	8	100	8
5	**Y tế**					
	- Số giường bệnh	Giường	310	305	98,4	310
	- Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ	%	100	1000		100
	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi	%	14,2	14,0		13,8
	- Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	42	42		42
	- Số bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ	11	10		11
	- Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã (giai đoạn 2011-2020)	%	100	100		100
	- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	86,16	86,20		86,21
	- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội	%	14,96	12,13		16,2
	- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm thất nghiệp	%	6,68	6,40		8,1
	- Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%	100	100		100

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023
			Kế hoạch huyện giao	Ước Thực hiện năm 2022	So sánh Ước thực hiện với KH năm 2022	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=5/4*	*7*
6	**Văn hóa-thể thao - Thông tin-truyền thông**					
	- Tỷ lệ xã, thị trấn có nhà văn hóa	%	100	100		100
	- Tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa	%	92	92		93
	- Tỷ lệ cơ quan văn hóa	%	100	100		100
7	**Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện**	**%**	**100**	**100**		**100**
8	**Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất ở**	**%**	**99,6**	**99,79**		**99,85**
9	**Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất sản xuất**	**%**	**99,4**	**99,79**		**99,85**
III	**CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG**					
1	**Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý**	**%**	**85**	**85**		85
2	**Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh**	**%**	**90**	**97**		>97
3	**Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh có hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn về môi trường**	**%**	**100**	**100**		**100**
4	**Tỷ lệ hộ nông thôn có công trình vệ sinh hợp vệ sinh**	**%**	**92**	**92**		**93**